

TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Ngày cập nhật: Ngày 22 tháng 02 năm 2018

TT	Công trình/ Khu tưới	Địa điểm xây dựng (xã)	Cột nước hữu ích Hhd (m)	Dung tích hữu ích (10 ³ m ³)	Hình thức tràn xả lũ	Mức nước hiện tại so với MNDBT (m)	Dung tích toàn bộ hiện tại (10 ³ m ³)	Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%)	Ghi chú
I	Thị xã Gia Nghĩa			7.269,99			6.985,23		
1	Hồ Nam Da	Đắk Nia	8,20	1.082,40	Tự do	-0,40	1.065,21	98,41	
2	Hồ Chế Biên	Đắk Nia	4,00	689,80	Tự do	0,05	691,77	100	
3	Hồ Fai Kol Poul Đăng	Đắk Nia	5,40	400,00	Tự do	-0,30	227,78	56,95	
4	Hồ Đắk Noh (Đắk Đỏ)	Đắk Nia	4,70	426,60	Tự do	-0,30	418,75	98,16	
5	Hồ Đắk Cút	Đắk Nia	7,41	790,10	Tự do	-0,80	763,04	96,57	
6	Hồ Thôn 2B	Đắk Nia	6,00	355,69	Tự do	-0,25	350,09	98,43	
7	Hồ Đắk Rial	Đắk Nia	8,40	306,19	Tự do	-0,50	297,60	97,19	
8	Hồ Rẫy Mới	Quảng Thành	3,00	574,50	Tự do	-0,55	571,23	99,43	
9	Hồ Tân Hiệp 1	Đắk R'moan	5,50	772,16	Tự do	-0,35	747,85	96,85	
10	Hồ Thủy lợi Nghĩa Phú	Nghĩa Phú	5,10	77,80	Tự do	-0,85	70,46	90,57	
11	Hồ Sinh Ba	Nghĩa Trung	3,10	603,75	Cửa van	0,00	603,75	100	
12	Hồ Tô 5	Nghĩa Trung	4,00	300,00	Tự do	-0,40	290,74	96,91	
13	Hồ Tô 6	Nghĩa Trung	4,50	286,00	Tự do	-0,25	281,95	98,58	
14	Hồ Đắk Nút	Nghĩa Đức	4,95	605,00	Tự do	0,00	605,00	100	
II	Huyện Krông Nô			22.414,41			21.393,77		
1	Công trình thủy lợi Đắk Rồ	Đắk R'ô	18,00	12.230,00	Cửa van	-3,00	11.476,99	93,84	
2	Hồ Đắk Nang	Đắk Nang	3,60	3.600,00	Tự do	-0,05	3.580,74	99,46	
3	Hồ Nam Đà (Đắk Mâm)	Nam Đà	4,00	3.264,92	Tự do	0,00	3.264,92	100	
4	Hồ Đắk Hou	Nâm N'Dir	1,50	637,00	Tự do	-0,15	449,88	70,62	
5	Hồ Đắk Pok	Nâm N'Dir	2,50	846,00	Tự do	-0,20	826,79	97,73	
6	Hồ Đắk Mhang	Nam Nung	2,00	695,00	Tự do	-0,10	683,56	98,35	
7	Hồ Buôn Rcập	Nam Nung	5,10	598,52	Tự do	-0,25	591,51	98,83	
8	Hồ Buôn Dong	Quảng Phú	3,17	173,87	Tự do	-0,70	160,97	92,58	
9	Hồ Buôn Lang	Quảng Phú	7,10	369,10	Tự do	-0,60	358,41	97,10	
10	Trạm bơm Đắk Rền	Nâm N'Dir							
	- Trạm bơm số 1	Nâm N'Dir				Kiệt			
	- Trạm bơm số 1A	Nâm N'Dir				Kiệt			
	- Trạm bơm số 2	Nâm N'Dir				Kiệt			
	- Trạm bơm số 3	Nâm N'Dir				Kiệt			
	- Trạm bơm số 4	Nâm N'Dir				Kiệt			
	- Trạm bơm số 5	Nâm N'Dir				Kiệt			
11	Trạm bơm Buôn Choách	Buôn Choách				1,50			
12	Trạm bơm D12 Buôn Suk	Quảng Phú				0,70			
III	Huyện Đắk Song			13.526,66			13.469,78		
1	Hồ Đắk Toa	Thuận Hà	5,00	2.018,66	Tự do	-0,10	2.006,60	99,40	
2	Hồ Sinh Muồng	Thuận Hạnh	3,00	1.431,00	Tự do	0,01	1.432,70	100	
3	Hồ Đắk Kuăl	Đắk N'Drưng	7,77	1.251,40	Cửa van	0,01	1.252,22	100	
4	Đập Đắk Nhai	Trường Xuân	8,01	1.064,70	Tự do	-0,01	1.064,04	99,94	
5	Hồ Cư Prông	Đắk Mol	5,00	115,00	Tràn giềng	0,07	115,69	100	
6	Hồ Đắk Mol	Đắk Mol	4,50	757,00	Tự do	0,02	758,08	100	
7	Hồ Đắk RLon	TT Đức An	8,80	907,67	Cửa van	-0,04	904,90	99,70	
8	Hồ Đắk Mruông	TT Đức An	5,70	188,80	Tràn giềng	-1,10	174,38	92,36	
9	C'TTL Đắk Lép	Nâm N'Jang	7,00	673,80	Tự do	-0,30	659,04	97,81	
10	Thủy lợi Nâm N'Jang	Nâm N'Jang	4,40	563,95	Cửa van	-0,02	562,98	99,83	
11	Hồ Đắk Pông Bê	Đắk N'DRưng	6,80	748,80	Tự do	-0,10	743,76	99,33	
12	Hồ Suối Đá	Đắk N'DRưng	4,50	530,00	Tự do	0,03	531,44	100	
13	Hồ Thôn 2	Đắk N'DRưng	4,20	549,66	Tự do	0,05	552,24	100	
14	Hồ Thôn 5	Đắk N'DRưng	3,20	155,00	Cửa van	-0,15	135,17	87,21	
15	Hồ Thôn 7 (Bu Bong)	Đắk N'DRưng	3,20	117,00	Tự do	-0,20	115,06	98,34	
16	Hồ Thuận Tân	Thuận Hạnh	6,00	259,07	Tự do	0,00	259,07	100	
17	Hồ Thuận Thành	Thuận Hạnh	8,70	742,60	Cửa van	0,00	742,60	100	
18	Hồ Đắk Mrung	Thuận Hạnh	2,70	479,95	Tự do	0,02	480,85	100	
19	Hồ Thôn 2 (Trường Xuân)	Trường Xuân	3,80	549,60	Tràn giềng	0,14	556,88	100	
20	Hồ Thôn 3	Trường Xuân	5,30	249,50	Tự do	-0,01	249,28	99,91	
21	C'TTL Đắk Cai	Trường Xuân	3,90	173,50	Tự do	-0,03	172,78	99,58	
IV	Huyện Tuy Đức		-	10.932,77			10.342,41		
1	Hồ Đắk R'tih	Đắk R'Tih	5,60	1.808,00	Tự do	-1,22	1.702,94	94,19	
2	Hồ Đắk Buk So	Đắk Buk Sor	3,80	1.081,00	Tự do	-0,60	1.017,26	94,10	
3	Hồ Đắk R'ia	Đắk R'Tih	3,50	1.049,00	Tự do	-1,20	931,45	88,79	
4	Hồ Đắk Ké	Quảng Trục	4,70	384,50	Tự do	-0,50	374,61	97,43	

TT	Công trình/ Khu tưới	Địa điểm xây dựng (xã)	Cột nước hữu ích Hhd (m)	Dung tích hữu ích (10 ³ m ³)	Hình thức tràn xả lũ	Mức nước hiện tại so với MNDBT (m)	Dung tích toàn bộ hiện tại (10 ³ m ³)	Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%)	Ghi chú
5	Hồ Đắc Huýt	Quảng Trục	8,40	410,00	Tự do	-0,50	397,85	97,04	
6	Hồ Đắc Biêng	Đắc R'Tih	3,20	759,00	Cửa van	-1,00	714,20	94,10	
7	Đập Bon Đắc Bu Lum	Quảng Trục	5,00	138,47	Tự do	-0,20	136,34	98,46	
8	Hồ Đắc Ké 2	Quảng Trục	6,90	403,70	Tự do	-1,30	374,05	92,66	
9	Hồ Thôn 2 (Pu Prăng)	Quảng Trục	5,00	107,90	Tự do	0,00	107,90	100	
10	Hồ Doãn Văn	Đắc R'Tih	3,90	918,40	Tự do	-1,80	810,15	88,21	
11	Đập Đắc Bu Rley	Đắc R'Tih	5,00	125,29	Tự do	0,00	125,29	100	
12	Hồ Đắc BLung	Đắc Buk Sor	5,70	562,28	Tự do	-0,40	539,09	95,88	
13	Đập Đắc Glun 1	Đắc Ngo	7,13	460,80	Tự do	0,00	460,80	100	
14	Đập Đắc Glun 2	Đắc Ngo	8,00	460,80	Tự do	-0,03	459,87	99,80	
15	Đập Đắc Glun 3	Đắc Ngo	8,00	562,50	Tự do	-0,60	542,51	96,45	
16	Đập Đắc Rma	Đắc Buk Sor	3,90	408,30	Tự do	-1,00	382,49	93,68	
17	Đập Đắc Huýt 4	Quảng Trục	4,30	477,83	Tự do	-0,60	450,60	94,30	
18	Đập D2	Quảng Trục	7,00	815,00	Tự do	0,00	815,00	100	
19	Hồ Số 1	Đắc Ngo	4,58	824,00	Tự do		824,00	100	
20	Hồ Số 2	Đắc Ngo	48,39	426,30	Tự do		426,30	100	
21	Hồ Số 3	Đắc Ngo	5,06	382,50	Tự do		382,50	100	
22	Hồ Số 4	Đắc Ngo	5,00	368,00	Tự do		368,00	100	
23	Hồ Đắc Tiên Tranh	Đắc Buk So	4,10	1.335,00	Tự do	-0,15	1.316,23	98,59	
V	Huyện Đắc RLấp			29.444,02			28.061,44		
1	Hồ Đắc RTang	Kiến Thành	4,00	1.520,00	Tự do	-0,40	1.465,53	96,42	
2	Hồ Thôn 2 (Đắc Sin)	Đắc Sin	3,80	1.213,25	Cửa van	-0,85	1.113,28	91,76	
3	Hồ Cầu Tư	Nghĩa Thắng	14,00	8.090,00	Tự do	-2,00	7.459,83	92,21	
4	Hồ Nhân Cơ	Nhân Cơ	4,50	1.104,00	Cửa van	-0,60	1.063,39	96,32	
5	Đập Quảng Lộc	Đạo Nghĩa	9,10	1.118,00	Tự do	-0,10	1.111,78	99,44	
6	Hồ Đắc Côn	Đạo Nghĩa	7,10	2.019,00	Tự do	-0,05	2.013,69	99,74	
7	Hồ Đắc Sinh (Hồ thôn 5)	Đắc Sin	4,80	1.164,00	Tự do	-0,03	1.161,21	99,76	
8	Thủy lợi Bầu Muối	Nhân Đạo	4,84	938,90	Tự do	-1,35	853,31	90,88	
9	Hồ Đắc Nêr	Nhân Đạo	6,10	990,40	Tự do	-0,15	980,11	98,96	
10	Hồ Thôn 11	Nhân Cơ	6,50	461,00	Tự do	-0,18	457,16	99,17	
11	Hồ Số 3	Nhân Cơ	5,40	183,60	Tự do			-	
12	Hồ Thôn 12	Nhân Cơ	6,50	423,56	Tự do	-0,23	416,89	98,43	
13	Hồ Thôn 5	Đắc Sin	4,80	702,07	Tự do	-0,20	691,28	98,46	
14	Đập Thôn 5	Đắc Sin	6,90	745,00	Tự do	-0,60	698,72	93,79	
15	Hồ Đắc Sin	Đắc Sin	3,40	686,06	Tự do	-0,28	666,58	97,16	
16	Hồ Đắc Blao	TT Kiến Đức	4,00	264,48	Tự do	0,00	264,48	100	
17	Thủy lợi Đa Dung	TT Kiến Đức	8,60	289,40	Tự do	-0,50	282,21	97,51	
18	Hồ Đắc RMur	Nhân Đạo	6,90	764,00	Tự do	-0,20	752,73	98,52	
19	Hồ Đắc Rsung	Nhân Đạo	5,80	494,00	Tự do	-0,05	492,37	99,67	
20	Hồ Bon Pì Nao	Nhân Đạo	6,77	916,70	Tự do	-0,65	870,52	94,96	
21	Hồ Sa Da Co	Quảng Tín	6,00	350,00	Tự do	-0,20	347,04	99,15	
22	Hồ Thôn 9 Quảng Tín	Quảng Tín	6,80	517,00	Tự do	-0,20	511,72	98,98	
23	Thủy lợi Đắc Xá	Quảng Tín		408,10	Tự do	-0,30	390,99	95,81	
24	Hồ Đắc Ru I	Đắc Ru	3,20	422,00	Tự do	-0,10	420,86	99,73	
25	Hồ Đắc Ru II	Đắc Ru	6,00	907,00	Tự do	-0,20	901,89	99,44	
26	Hồ Đắc Tát	Hưng Bình	5,00	544,00	Tự do	-0,55	504,71	92,78	
27	Đập thôn 8 Đắc Sin	Hưng Bình	4,30	452,20	Cửa van	-0,55	428,57	94,77	
28	Hồ Thôn 9 (Kiến Thành)	Kiến Thành	684,40	610,30	Tự do	-0,20	600,94	98,47	
29	Hồ Thôn 2	Quảng Tín	4,00	120,00	Tự do	-0,05	119,70	99,75	
30	Hồ Bon Bu Ja Rá	Nghĩa Thắng	5,40	494,00	Tự do	0,05	495,64	100	
31	Hồ Đắc Krung	Đắc Wer	1,70	532,00	Tự do	-0,10	524,31	98,55	
32	Đập Đắc Jeng Tung	Kiến Thành	5,50	177,300	Cửa van	-1,20	158,20	89,23	
VI	Huyện Đắc GLong			13.442,53			13.393,21		
1	Hồ Thủy điện	Quảng Sơn	3,50	1.230,00	Tự do	0,04	1.233,33	100	
2	Hồ Công ty 847	Quảng Sơn	4,00	292,00	Tự do	-0,10	287,13	98,33	
3	Hồ Đắc Hlang	Quảng Khê	7,70	544,17	Tự do	-0,06	542,14	99,63	
4	Hồ Trường Học	Quảng Khê	2,50	210,00	Tự do	0,02	210,34	100	
5	Nao Ma A	Quảng Khê	9,60	568,80	Tự do	-0,02	568,21	99,90	
6	Hồ Thôn 2 (Nao Kon Đơ)	Quảng Khê	2,20	413,30	Tự do	-0,01	409,70	99,13	
7	Hồ Thôn 4	Quảng Khê	8,50	356,32	Tự do	0,01	356,55	100	
8	Hồ Đắc Srê	Quảng Khê	4,30	806,04	Tự do	-0,01	805,48	99,93	
9	Hồ Thôn 3	Quảng Khê	2,00	130,00	Tự do	0,02	130,09	100	
10	CTTL Nder	Quảng Khê	8,27	414,00	Tự do	-0,01	413,80	99,95	
11	Hồ Bắ Rai	Quảng Khê	3,50	750,00	Tự do	-0,08	748,09	99,75	
12	Hồ Bì Zê Rê	Đắc Som	8,00	390,30	Tự do	-0,08	388,75	99,60	
13	Hồ BDong	Đắc Som	2,50	466,00	Tự do	-0,06	463,50	99,46	
14	Thủy lợi Thôn 5	Đắc Som	8,40	253,40	Tự do	-0,36	249,04	98,28	

TT	Công trình/ Khu tưới	Địa điểm xây dựng (xã)	Cột nước hữu ích Hhd (m)	Dung tích hữu ích (10 ³ m ³)	Hình thức tràn xả lũ	Mực nước hiện tại so với MNDBT (m)	Dung tích toàn bộ hiện tại (10 ³ m ³)	Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%)	Ghi chú
15	Hồ Chum Ia	Đắk Sơn	3,00	700,00	Tự do	-0,08	698,10	99,73	
16	Hồ Thôn I	Đắk Ha	7,80	72,30	Tự do	-0,01	72,25	99,93	
17	Hồ Đắk Bông	Đắk Ha	8,10	170,12	Tự do	0,00	170,12	100	
18	Hồ Đắk Ha	Đắk Ha	3,90	420,91	Tự do	-0,01	420,55	99,91	
19	Hồ Đắk R'Tiêng	Đắk Ha	8,50	169,34	Tự do	0,00	169,34	100	
20	Hồ Trảng Ba	Đắk Ha	4,50	280,00	Tự do	-0,61	262,58	93,78	
21	Hồ Đắk Snao	Đắk R'măng	2,90	594,80	Tự do	-0,01	594,12	99,89	
22	Hồ Đa Hang Lang	Đắk R'măng	3,50	700,00	Tự do	-0,01	699,76	99,97	
23	Hồ Đèo 52(Hồ 831)	Quảng Sơn	6,60	240,00	Tự do	-0,75	228,13	95,05	
24	Hồ Đắk Snao 1(Hồ 882A)	Quảng Sơn	3,00	620,25	Tự do	-0,03	619,23	99,84	
25	Hồ Đắk Snao 2(Hồ 882B)	Quảng Sơn	7,90	143,00	Tự do	-0,01	142,91	99,94	
26	Hồ Đắk Snao 3	Quảng Sơn	3,50	635,52	Tự do	-0,01	635,18	99,95	
27	Hồ Thôn 3B Bon Sa Nar	Quảng Sơn	8,06	625,50	Tự do	-0,01	625,00	99,92	
28	Thủy lợi Đắk Nder 2	Quảng Sơn	3,80	486,46	Tự do	0,02	487,48	100	
29	Hồ Km41	Quảng Sơn	2,50	390,00	Tự do	0,04	391,96	100	
30	Hồ Ba Trong	Quảng Sơn	2,00	370,00	Tự do	0,02	370,35	100	
VII	Huyện Đắk Mil			20.590,00			19.867,42		
1	Công trình hồ Đắk Săk	Đức Minh	9,00	6.500,00	Tự do	-0,70	6.084,41	93,61	
2	Hồ Tây	TT Đắk Mil	1,90	3.330,48	Tự do	-0,15	3.285,14	98,64	
3	Hồ Núi lửa	Thuận An	4,00	822,00	Tự do	-1,05	787,90	95,85	
4	Công trình Đập Đắk Puer	Thuận An	4,00	699,00	Cửa van	-0,70	674,46	96,49	
5	Công trình Đập Đắk Goun thượng	Thuận An	5,20	994,09	Cửa van	-0,25	975,10	98,09	
6	Công trình Đập Yok Lom	Thuận An	6,25	513,96	Tự do	-0,30	501,98	97,67	
7	Công trình Đập Jun Juh	Đức Minh	3,00	618,68	Cửa van	-0,25	599,66	96,93	
8	Công trình hồ Đắk Sai	Đắk Lao	7,60	133,40	Cửa van	-1,20	124,60	93,40	
9	Công trình hồ Đắk Mбай	Đắk Lao	4,56	91,60	Cửa van	-0,60	87,97	96,04	
10	Công trình hồ Đắk Ken (6B)	Đắk Lao	3,00	286,00	Tự do	-0,25	281,05	98,27	
11	Công trình hồ Đắk Loou	Đắk Lao	8,50	600,00	Tự do	-0,05	598,35	99,73	
12	Công trình Đắk Rla	Đắk N'DRót	8,00	291,50	Tự do	-0,50	286,51	98,29	
13	Công trình Đô Ry I	Đắk Rla	8,00	283,50	Cửa van	-1,00	266,09	93,86	
14	Công trình Đô Ry II	Đắk Rla	12,00	742,40	Cửa van	-1,50	683,86	92,11	
15	Công trình Đắk NDRót	Đắk N'DRót	7,47	229,05	Tự do	-1,20	215,56	94,11	
16	Công trình Đắk Láp	Đắk Gắn	4,00	239,39	Tự do	-1,20	219,89	91,85	
17	Công trình Đắk Goun	Đắk N'DRót	3,70	192,30	Cửa van	-1,10	181,90	94,59	
18	Công trình thủy lợi Mạnh Tiến	Đức Mạnh	102,60	166,41	Cửa van	0,00	166,41	100	
19	Công trình hồ Vạn Xuân	TT Đắk Mil	2,50	122,24	Tự do	1,60	140,73	100	
20	Đập ông Truyền	Đức Minh	3,00	220,00	Tự do	-0,49	215,83	98,11	
21	Đập ông Hiền	Đức Minh	3,00	155,00	Tự do	0,00	155,00	100	
22	Hồ E29	Đắk Săk	3,00	814,00	Tự do	0,01	814,37	100	
23	Đập Sapa (Hồ đội 3)	Thuận An	2,50	230,00	Tự do	0,00	230,00	100	
24	Hồ Bu Đắk	Thuận An	2,00	526,00	Tự do	0,00	526,00	100	
25	Hồ Nông trường Thuận An	Thuận An	4,00	220,00	Tự do	-1,70	207,51	94,32	
26	Hồ Lâm trường Thuận An	Thuận An	6,00	310,00	Tự do	-0,30	307,36	99,15	
27	Hồ Lâm trường Đắk Gắn	Đắk Gắn	2,00	110,00	Tự do	-1,50	104,31	94,83	
28	Hồ Thác Hôn	Đức Mạnh	5,35	774,00	Tự do	-0,30	765,93	98,96	
29	Hồ Đội 2	Thuận An	5,40	375,00	Tự do	0,10	379,54	100	
30	Hồ Đội 1	Đắk Lao			Tự do	-0,02	-		
31	Hồ Đội 35	Đắk Lao			Tự do	-0,15	-		
32	Hồ Đội 40	Đắk Lao			Tự do	-0,95	-		
33	Thọ Hoàng	Đắk Săk			Tự do	-0,45	-		
VIII	Huyện Cư Jút			12.613,58			11.112,83		

TT	Công trình/ Khu tưới	Địa điểm xây dựng (xã)	Cột nước hữu ích Hhd (m)	Dung tích hữu ích (10^3 m^3)	Hình thức tràn xả lũ	Mức nước hiện tại so với MNDBT (m)	Dung tích toàn bộ hiện tại (10^3 m^3)	Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%)	Ghi chú
1	Hồ Đắc Diêr	Cư Knia	6,40	5.920,00	Tự do	-1,20	5.419,09	91,54	
2	Hồ Đắc Đrông	Đắc Đ'rông	5,00	3.650,35	Cửa van	-1,76	3.042,61	83,35	
3	Hồ Buôn Buôr	Tâm thắg	1,40	298,52	Cửa van	-0,65	282,03	94,48	
4	Hồ Cư Pu	Nam Dong	6,50	430,80	Tự do	-6,20	249,28	57,86	
5	Hồ Tiểu Khu 839	Đắc Wil	3,10	215,85	Tự do	-1,10	186,32	86,32	
6	Hồ Tiểu Khu 840	Đắc Wil	6,05	632,90	Tự do	-1,30	573,59	90,63	
7	Hồ Ea Dier	Đắc Đ'rông	3,90	315,66	Tự do	-2,25	257,31	81,51	
8	Hồ Trúc Sơn	Trúc Sơn	6,70	1.149,50	Cửa van	-0,90	1.102,61	95,92	
9	Trạm bơm Ea Pô	Ea Pô							
170	TỔNG CỘNG:			130.233,96			124.626,08	95,69	